

**Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo
Tự Tạo Việc Làm**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm Thông tin về Tổ chức

Quyết định Thành lập số 610/QĐ-UB ngày 2 tháng 11 năm 1991
29/QĐ-LĐLĐ ngày 2 tháng 11 năm 2001
08/QĐ-LĐLĐ ngày 10 tháng 3 năm 2008

Quyết định Thành lập do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh bởi Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có giá trị đến năm 2018.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch (từ ngày 28 tháng 4 năm 2014)
	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch (đến ngày 28 tháng 4 năm 2014)
	Ông Nguyễn Huy Cận	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Xê	Thành viên
	Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2014)
	Ông Nguyễn Thành Gia	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2014)
	Ông Lê Công Minh	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2014)
	Ông Trần Sơn Châu	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Đạt	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	14C Cách Mạng Tháng Tám Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

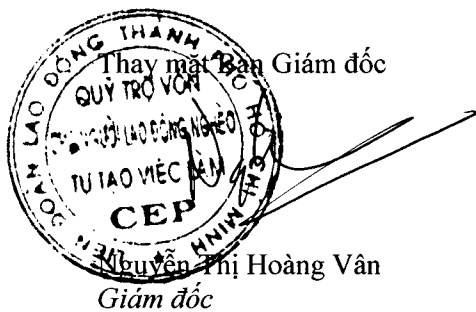
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổ chức cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tổ chức sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.


Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Thị Hoàng Vân
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 6 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Quản trị Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổ chức phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 6 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổ chức chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư vấn Trợ giúp Người Nghèo áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-138-2014



Nguyễn Thị Ngọc Nghi

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 6 năm 2015

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn		1.788.894.920	1.479.174.302
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	15.641.595	70.674.709
Đầu tư ngắn hạn		27.134	31.787
Các khoản cho vay phải thu ngắn hạn – thuần	6	1.757.953.611	1.396.487.783
Tài sản ngắn hạn khác	7	15.272.580	11.980.023
Tài sản dài hạn		67.113.030	34.298.998
Các khoản cho vay phải thu dài hạn – thuần	6	58.406.711	24.768.664
Tài sản cố định hữu hình	8	3.840.850	5.021.192
Tài sản cố định vô hình	9	377.877	469.777
Đầu tư dài hạn		52.785	79.919
Tài sản dài hạn khác	10	4.434.807	3.959.446
TỔNG TÀI SẢN		1.856.007.950	1.513.473.300

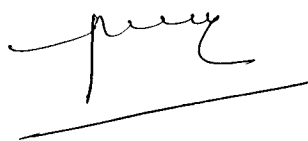
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ		1.300.567.765	1.044.619.005
Nợ ngắn hạn		1.021.406.387	746.268.230
Vay ngắn hạn	11	402.776.023	228.955.633
Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện ngắn hạn phải trả	12	548.000.108	470.499.629
Nợ ngắn hạn khác	13	66.532.542	46.701.262
Tài trợ theo mục đích chi định	14	4.097.714	111.706
Nợ dài hạn		279.161.378	298.350.775
Vay dài hạn	15	112.475.095	153.150.808
Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện dài hạn phải trả	12	163.030.679	141.982.294
Nợ dài hạn khác		3.655.604	3.217.673
VỐN CHỦ SỞ HỮU		555.440.185	468.854.295
Vốn chủ sở hữu		555.440.185	468.854.295
Vốn		381.885.199	242.690.136
Vốn tài trợ	16	58.883.572	53.709.393
Các quỹ dự trữ		114.671.414	171.955.536
Lợi nhuận chưa phân phối		-	499.230
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.856.007.950	1.513.473.300

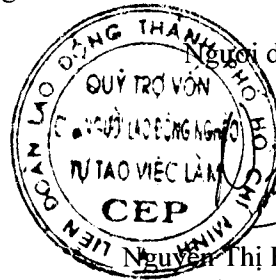
Ngày 1 tháng 6 năm 2015

Người lập:



Phan Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



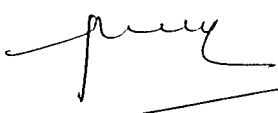
Nguyễn Thị Hoàng Vân
Giám đốc

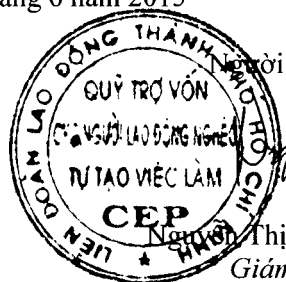
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Thuyết minh	2014 VND'000	2013 VND'000
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay	17	318.414.826	285.413.603
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tiền gửi		3.472.973	5.313.785
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		9.534	15.348
Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác		291.763	622.753
Tổng thu nhập từ các hoạt động kinh doanh		322.189.096	291.365.489
Chi phí lãi	18	(30.608.373)	(30.025.547)
Dự phòng phải thu khó đòi	6	(3.674.823)	(1.326.127)
Phí hoa hồng		(40.122.628)	(34.352.317)
Lương và các chi phí liên quan		(107.200.645)	(96.396.601)
Chi phí sửa chữa, bảo trì và văn phòng phẩm		(2.819.810)	(2.178.429)
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8, 9	(1.433.501)	(1.624.352)
Phí bưu phẩm và thông tin liên lạc		(2.370.215)	(1.851.509)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(41.312)	(49.846)
Chi phí đào tạo		(240.451)	(150.950)
Chi phí vận chuyển		(4.944.649)	(4.494.915)
Chi phí thuê và các tiện ích liên quan		(2.740.260)	(2.260.450)
Chi phí từ hoạt động kinh doanh khác	19	(32.379.896)	(11.881.824)
Tổng chi phí từ các hoạt động kinh doanh		(228.576.563)	(186.592.867)
Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh		93.612.533	104.772.622
Thu nhập từ các hoạt động khác			
Thu từ tài trợ	20	3.775.860	2.142.415
Thu nhập từ các hoạt động khác		-	21.187
Thu nhập trước thuế		97.388.393	106.936.224
Thuế thu nhập	21	-	-
Thu nhập thuần sau thuế		97.388.393	106.936.224

Ngày 1 tháng 6 năm 2015

Người lập:

 Phan Thị Kim Lan
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Thị Hoàng Vân
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

	Thuyết minh	2014 VND'000	2013 VND'000
Vốn			
Số dư đầu năm			
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		1.617.179	1.617.179
Các nguồn vốn khác		241.072.957	241.072.957
		242.690.136	242.690.136
Tăng trong năm			
Bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn		140.687.102	-
Bổ sung từ quỹ đào tạo nghiệp vụ		125.140	-
		140.812.242	-
Giảm trong năm			
Chuyển sang vốn tài trợ		(1.617.179)	-
Số dư cuối năm			
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		-	1.617.179
Các nguồn vốn khác		381.885.199	241.072.957
		381.885.199	242.690.136
Vốn tài trợ			
16			
Số dư đầu năm		53.709.393	53.709.393
Chuyển từ lợi nhuận chưa phân phối		3.557.000	-
Chuyển từ vốn		1.617.179	-
		58.883.572	53.709.393
Số dư cuối năm			
		58.883.572	53.709.393

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

	Thuyết minh	2014 VND'000	2013 VND'000
Các quỹ dự trữ			
Số dư đầu năm			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		74.505.896	-
Quỹ dự phòng tài chính		44.042.885	33.383.856
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		43.090.196	33.130.947
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.316.559	12.300.092
		<hr/>	
		171.955.536	78.814.895
Bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		66.181.206	74.505.896
Quỹ dự phòng tài chính		9.383.139	10.659.029
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		9.383.139	10.659.029
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.383.139	10.613.040
		<hr/>	
		94.330.623	106.436.994
Bổ sung từ các nguồn khác			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.357	8.804
Chuyển sang vốn			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		(140.687.102)	-
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		(125.140)	-
		<hr/>	
		(140.812.242)	-
Phân phối và sử dụng			
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		(392.475)	(699.780)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(10.414.385)	(12.605.377)
		<hr/>	
		(10.806.860)	(13.305.157)
Số dư cuối năm			
Quỹ dự trữ bổ sung vốn		-	74.505.896
Quỹ dự phòng tài chính		53.426.024	44.042.885
Quỹ đào tạo nghiệp vụ		51.955.720	43.090.196
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.289.670	10.316.559
		<hr/>	
		114.671.414	171.955.536
		<hr/> <hr/>	

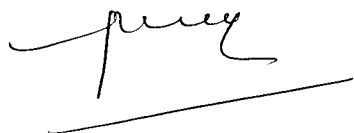
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

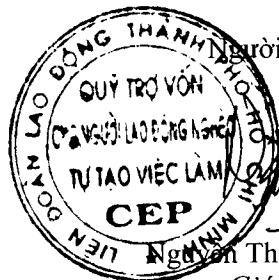
	Thuyết minh	2014 VND'000	2013 VND'000
Lợi nhuận chưa phân phối			
Số dư đầu năm		499.230	-
Thu nhập thuần trong năm		97.388.393	106.936.224
Phân bổ vào các quỹ dự trữ		(94.330.623)	(106.436.994)
Phân bổ vào vốn tài trợ	16	(3.557.000)	-
Số dư cuối năm		-	499.230

Ngày 1 tháng 6 năm 2015

Người lập:



Phan Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:

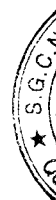


Nguyễn Thị Hoàng Vân
Giám đốc

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

	2014	2013
	VND'000	VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập trước thuế	97.388.393	106.936.224
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao và phân bổ	1.433.501	1.624.352
Dự phòng phải thu khó đòi	3.674.823	1.326.127
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(10.010)	(3.500)
Phân bổ tiền trợ cấp	(3.775.860)	(2.142.415)
Thu nhập lãi	(321.887.799)	(290.727.388)
Chi phí lãi	30.608.373	30.025.547
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(192.568.579)	(152.961.053)
Thay đổi vốn lưu động		
Biến động các khoản cho vay phải thu	(398.778.698)	(269.995.950)
Biến động các tài sản khác	1.752.599	(7.032.555)
Biến động tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện phải trả	98.548.864	91.633.519
Biến động các khoản nợ phải trả khác	17.347.489	344.510
	(281.129.746)	(185.050.476)
Thu nhập lãi nhận được	317.886.251	290.883.739
Tiền lãi đã trả	(24.706.584)	(18.024.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	(180.518.658)	(65.152.024)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua tài sản cố định	(167.999)	(5.455.231)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	10.010	3.500
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	(680.292)	(1.359.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	(838.281)	(6.811.619)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	286.557.164	271.837.147
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	(153.412.487)	(189.464.474)
Phân phối và chi trả từ các quỹ dự trữ	(10.806.860)	(13.305.157)
Tiền thu từ tài trợ theo mục đích chi định	7.706.771	19.948
Tiền chi dùng cho tài trợ theo mục đích chi định	(3.720.763)	(761.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	126.323.825	68.325.771

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

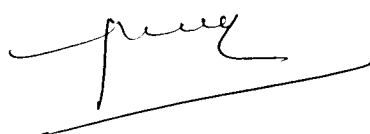
	2014 VND'000	2013 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(55.033.114)	(3.637.872)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	70.674.709	74.312.581
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 5)	15.641.595	70.674.709

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND'000	2013 VND'000
Góp vốn dưới dạng chuyển từ các quỹ dự trữ	140.812.242	-
Phân bổ vào vốn tài trợ dưới dạng chuyển từ vốn	1.617.179	-

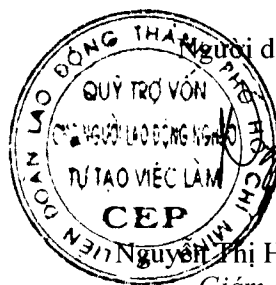
Ngày 1 tháng 6 năm 2015

Người lập:



Phan Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoàng Vân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hoạt động chính của Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm (“Tổ chức”), một tổ chức trực thuộc Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh, là (a) cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho các hộ nghèo và thành viên có thu nhập thấp của cộng đồng; (b) xóa đói giảm nghèo và giảm thiểu tình trạng thất nghiệp bằng việc hỗ trợ các hoạt động tạo thu nhập và tự tạo việc làm nhằm dần cải thiện an sinh; (c) hỗ trợ hộ nghèo và thành viên có thu nhập thấp của cộng đồng nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm và duy trì lối sống lành mạnh và môi trường xã hội.

Thu nhập thuần từ hoạt động của Tổ chức được dùng để tạo điều kiện hoạt động hiệu quả và đạt được những mục tiêu của Tổ chức đã đề ra.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổ chức có một Trụ sở chính, 32 chi nhánh và 492 nhân viên (31/12/2013: một Trụ sở chính, 30 chi nhánh và 466 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính được lập theo các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của Ban Tư Vấn Trợ Giúp Người Nghèo (“CGAP”) áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô (phiên bản năm 2003) và các chính sách kế toán được nêu trong Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính.

Các Hướng dẫn Thuyết minh Báo cáo Tài chính của CGAP áp dụng cho các Tổ chức Tài chính Vi mô là các quy tắc tự nguyện được đề nghị bởi Ban Tư vấn của các nhà tài trợ quốc tế. Do đó, nếu một tổ chức không tuân thủ các hướng dẫn của CGAP thì điều này không có nghĩa là tổ chức này hoặc báo cáo tài chính của tổ chức này đã vi phạm luật pháp hoặc vi phạm các chuẩn mực kế toán hoặc chuẩn mực báo cáo tài chính có hiệu lực khác.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổ chức là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán dưới đây, Tổ chức đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán được đề cập tại Thuyết minh số 4 cho tất cả các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

Trong những năm sắp tới, Tổ chức sẽ chuyển đổi mô hình thành một tổ chức tài chính vi mô dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”). Nhằm thực hiện điều này, Ban Giám đốc Tổ chức đã quyết định thay đổi các chính sách kế toán để sớm đáp ứng một số yêu cầu kế toán được quy định bởi NHNNVN. Việc thay đổi này đã ảnh hưởng đến các chính sách kế toán sau:

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi – ghi nhận dự phòng chung (xem Thuyết minh 4(d)(i)); và
- Thu nhập lãi tiền gửi – ghi nhận trên cơ sở dồn tích (xem Thuyết minh 4(n)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổ chức áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại các ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

Đầu tư ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm.

Đầu tư dài hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn gốc trên một năm.

(d) Các khoản cho vay phải thu

Các khoản cho vay phải thu phản ánh số dư nợ gốc còn lại của các khoản cho vay trong hạn và quá hạn và được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(i) Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc bằng cách áp dụng tỷ lệ tổn thất ước tính trên tuổi nợ của các khoản cho vay bị quá hạn. Một khoản cho vay được coi là quá hạn khi thời hạn trả góp theo lịch bị trễ từ 1 ngày trở lên. Tỷ lệ tổn thất ước tính được dựa vào sự phân tích dữ liệu về các khoản cho vay trễ hạn trong quá khứ của Ban Giám đốc. Dự phòng cụ thể phải thu khó đòi được tính cho các khoản nợ gốc chưa trả của tất cả các khoản vay bị trễ hạn trên 10 ngày theo tỷ lệ dự phòng như sau:

Chính sách dự phòng được áp dụng cho các khoản cho vay quá hạn như sau:

		Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	Quá hạn dưới 10 ngày	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	Quá hạn từ 10 ngày đến dưới 30 ngày	2%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	Quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày	25%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	Quá hạn từ 90 ngày đến dưới 180 ngày	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	Quá hạn trên 180 ngày	100%

Ngoài ra, Ban Giám đốc sẽ có quyết định tùy từng trường hợp rằng liệu có cần phải lập thêm dự phòng cụ thể cho các khoản phải thu khó đòi khi các nỗ lực thu nợ không có kết quả.

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2014

Theo chính sách quản lý tín dụng của Tổ chức, dự phòng chung không được lập.

Hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2014

Ban Giám đốc Tổ chức đã quyết định thay đổi chính sách kế toán để sớm đáp ứng một số yêu cầu kế toán được quy định bởi NHNNVN. Theo đó, cùng với dự phòng cụ thể được đề cập ở trên, dự phòng chung được trích lập với mức bằng 0,1% tổng số dư các khoản cho vay phải thu không bao gồm các khoản cho vay phải thu được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,1% tổng số dư các khoản cho vay phải thu tại ngày 30 tháng 11).

Thay đổi về chính sách kế toán nêu trên được áp dụng hồi tố. Nếu Tổ chức tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây, dự phòng phải thu khó đòi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm 1.663.484.540 VND.

(ii) Chính sách xóa nợ

Các khoản vay được xóa sổ khi người đi vay đã chết, mất tích hoặc bị bệnh hiểm nghèo, bị kết án tù, hoặc trốn khỏi địa phương hơn 3 năm. Tất cả các trường hợp này được trình lên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt mỗi quý. Thông thường nợ được xóa bằng cách ghi giảm giá trị của danh mục cho vay, sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi hoặc, nếu không có khoản dự phòng thì sẽ ghi nhận trực tiếp vào chỉ chí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(e) Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng tổn thất.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(h) Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tự nguyện phải trả

Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc phản ánh khoản tiền gửi mà người đi vay phải gửi tại Tổ chức để được giải ngân khoản vay với mục đích chính là giúp người đi vay có được một khoản tiết kiệm sau khi kết thúc khoản vay. Khoản tiền gửi tiết kiệm bắt buộc yêu cầu đóng hàng tháng tương đương 1% khoản cho vay. Khoản tiền gửi tự nguyện phản ánh khoản tiền gửi do người đi vay tự nguyện gửi tại Tổ chức.

Các khoản phải trả này được phản ánh theo nguyên giá.

(i) Nợ phải trả khác

Nợ phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổ chức phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổ chức xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổ chức có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổ chức xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổ chức xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổ chức có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổ chức xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổ chức xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổ chức nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổ chức xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(k) Các khoản tài trợ

Các khoản tài trợ theo mục đích chung thể hiện các khoản tài trợ không chỉ định mục đích và không hoàn lại nhận được từ các nhà tài trợ được sử dụng để cho vay. Các khoản tài trợ được ghi trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được và sau đó được phân bổ vào vốn tài trợ thuộc vốn chủ sở hữu. Vốn tài trợ không được phân phối.

Các khoản tài trợ theo mục đích chỉ định thể hiện các khoản tiền nhận từ các nhà tài trợ được sử dụng cho các mục đích hỗ trợ hoạt động như là đào tạo, tiếp thị, mở chi nhánh mới, mua sắm tài sản cố định... Các khoản tài trợ theo mục đích chỉ định được ghi trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được.

(l) Các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối

Theo điều lệ hoạt động của Tổ chức, các quỹ sau được trích lập dựa trên thu nhập thuần, trừ đi thu nhập từ các khoản tài trợ nhận được sử dụng cho mục đích cho vay, được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh duyệt cho việc trích quỹ như sau:

- Trích 70% thu nhập thuần để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn;
- Trích 10% thu nhập thuần để lập quỹ dự phòng tài chính;
- Trích 10% thu nhập thuần để lập quỹ đào tạo nghiệp vụ;
- Trích 4% thu nhập thuần để lập quỹ khen thưởng; và
- Trích 6% thu nhập thuần để lập quỹ phúc lợi.

Mục đích sử dụng của các quỹ này được thiết lập như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn: bổ sung vốn cho hoạt động của Tổ chức.
- Quỹ dự phòng tài chính: nhằm bù đắp các tổn thất về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động của Tổ chức.
- Quỹ đào tạo nghiệp vụ: nhằm đầu tư vào đổi mới thiết bị, điều kiện làm việc và tay nghề của nhân viên.
- Quỹ khen thưởng: nhằm khen thưởng cho nhân viên của Tổ chức.
- Quỹ phúc lợi: nhằm đầu tư vào công tác xã hội và các hoạt động công chúng như thể thao, trình diễn văn hóa và các sự kiện phúc lợi khác cho nhân viên.

Các quỹ dự trữ này được phân loại như vốn chủ sở hữu.

(m) Vốn

Các quỹ được chuyển sang tài khoản vốn trong vốn chủ sở hữu theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc.

(n) Thu nhập tiền lãi

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2014

Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014

Ban Giám đốc Tổ chức đã quyết định thay đổi chính sách kế toán để sớm đáp ứng một số yêu cầu kế toán được quy định bởi NHNNVN. Theo đó, thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thay đổi về chính sách kế toán nêu trên được áp dụng hồi tố. Nếu Tổ chức tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây, thu nhập tiền lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm 4.306.808.078 VND.

Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối tác và có ảnh hưởng đáng kể đối với đối tác về việc đưa ra các quyết định về hoạt động kinh doanh và tài chính.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	766.212	1.156.042
Tiền gửi ngân hàng	14.875.383	29.018.667
Các khoản tương đương tiền	-	40.500.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	15.641.595	70.674.709
	<hr/>	<hr/>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn	0,5% - 1,2%	1,2% - 2%
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	6,8% - 10%
Tiền gửi ngân hàng bằng USD		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn	0,25%	0,25% - 0,5%
Tiền gửi ngân hàng bằng EUR		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn	-	N/A
Tiền gửi ngân hàng bằng AUD		
▪ Tiền gửi thanh toán	-	N/A
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay phải thu

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Cho vay ngắn hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	1.105.393.541	922.613.977
▪ Cho vay thu hàng tháng	370.147.643	256.211.398
▪ Cho vay ngắn hạn khác	126.338	192.296
▪ Cho vay dài hạn đến hạn trả	289.567.100	221.535.816
	<hr/> 1.765.234.622	<hr/> 1.400.553.487
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.281.011)	(4.065.704)
Cho vay phải thu ngắn hạn – thuần	<hr/> 1.757.953.611	<hr/> 1.396.487.783
Cho vay dài hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	9.584.494	10.088.777
▪ Cho vay thu hàng tháng	338.421.939	236.221.168
Trừ đi cho vay dài hạn đến hạn trả	(289.567.100)	(221.535.816)
	<hr/> 58.439.333	<hr/> 24.774.129
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(32.622)	(5.465)
Cho vay phải thu dài hạn – thuần	<hr/> 58.406.711	<hr/> 24.768.664
Tổng cho vay phải thu – thuần	<hr/> 1.816.360.322	<hr/> 1.421.256.447

Các khoản cho vay được phân loại theo đối tượng vay như sau:

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Người lao động	1.308.584.343	1.011.255.973
Công nhân viên chức	515.089.612	414.071.643
	<hr/> 1.823.673.955	<hr/> 1.425.327.616

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Cho vay ngắn hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	13,79% - 20,91%	13,79% - 22,72%
▪ Cho vay thu hàng tháng	10,39% - 19,54%	12,88% - 21,59%
Cho vay dài hạn		
▪ Cho vay thu hàng tuần	13,65% - 19,91%	13,65% - 22,38%
▪ Cho vay thu hàng tháng	11,15% - 20,21%	13,25% - 22,46%

Tổ chức cung cấp các loại cho vay ngắn hạn như sau:

- Các khoản cho vay thu hàng tuần áp dụng cho người lao động. Khoản cho vay được thu hàng tuần với thời hạn cho vay từ 12 đến 50 tuần (2013: 12 đến 50 tuần). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,6% đến 0,9% (2013: 0,9% đến 1%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2013: 20.000.000 VND).
- Các khoản cho vay thu hàng tháng áp dụng cho công nhân, người lao động và viên chức. Khoản cho vay được thu hàng tháng với thời hạn cho vay từ 2 đến 12 tháng (2013: 5 đến 12 tháng). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,5% đến 0,9% (2013: 0,75% đến 1%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2013: 20.000.000 VND).
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác là các khoản cho vay kinh doanh áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ có khả năng tạo việc làm cho các hộ gia đình hoặc các thành viên trong cộng đồng. Các khoản cho vay này đã ngừng cấp từ năm 2014.

Tổ chức cũng cho vay dài hạn như sau:

- Các khoản cho vay thu hàng tuần áp dụng cho người lao động. Khoản cho vay được thu hàng tuần với thời hạn cho vay từ 55 đến 150 tuần (2013: 55 đến 150 tuần). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,6% đến 0,9% (2013: 0,9% đến 1%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2013: 20.000.000 VND).
- Các khoản cho vay thu hàng tháng áp dụng cho công nhân, người lao động và viên chức. Khoản cho vay được thu hàng tháng với thời hạn cho vay từ 13 đến 36 tháng (2013: 13 đến 36 tháng). Lãi suất danh nghĩa của các khoản cho vay này là từ 0,5% đến 0,9% (2013: 0,75% đến 1%) một tháng và hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000 VND cho mỗi người đi vay (2013: 20.000.000 VND).

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)

Tổ chức cũng giới hạn hạn mức cho vay của từng người để hạn chế rủi ro tín dụng.

Những người đi vay được tổ chức thành từng nhóm, mỗi nhóm có một nhóm trưởng được bầu bởi các thành viên trong nhóm. Ba đến mười nhóm vay sẽ lập thành một cụm và có một cụm trưởng. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm thu hồi các khoản vay trả từ các thành viên trong nhóm và nộp cho cụm trưởng, cụm trưởng sẽ nộp cho nhân viên tín dụng của Tổ chức theo ngày đã thỏa thuận.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có khoản vay nào được tái cơ cấu (2013: không) và 121 khoản vay với số tiền là 432.358.428 VND (2013: 105 khoản vay với số tiền là 332.235.844 VND) được xóa nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổ chức có 260.810 (31/12/2013: 242.725) tài khoản dư nợ cho vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản cho vay phải thu đã quá hạn từ một ngày trở lên là 21.320.769.163 VND (31/12/2013: 18.862.419.356 VND). Tổng các khoản cho vay quá hạn và dự phòng cụ thể tương ứng như sau:

Tình trạng quá hạn	31/12/2014		PAR
	Số dư nợ cho vay VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	
Dưới 10 ngày	8.640.877	-	0,47%
Từ 10 đến dưới 30 ngày	5.552.190	91.630	0,30%
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.157.361	303.031	0,06%
Từ 90 đến dưới 180 ngày	1.101.889	532.804	0,06%
Từ 180 ngày	4.648.859	4.503.090	0,25%
Nợ khoanh	219.593	219.593	0,01%
Tổng	21.320.769	5.650.148	1,15%

Các khoản cho vay rủi ro ("PAR") bị quá hạn từ 10 ngày trở lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 0,68%. Tỷ lệ PAR được tính bằng cách chia dư nợ các khoản vay quá hạn trên 10 ngày cho tổng dư nợ.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)

Tình trạng quá hạn	31/12/2013		PAR
	Số dư nợ cho vay VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	
Dưới 10 ngày	6.388.607	-	0,45%
Từ 10 đến dưới 30 ngày	7.107.154	64.864	0,50%
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.099.655	247.084	0,08%
Từ 90 đến dưới 180 ngày	741.552	341.916	0,05%
Từ 180 ngày	3.287.222	3.179.076	0,23%
Nợ khoanh	238.229	238.229	0,02%
Tổng	18.862.419	4.071.169	1,33%

Các khoản cho vay rủi ro (“PAR”) bị quá hạn từ 10 ngày trở lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0,88%. Tỷ lệ PAR được tính bằng cách chia dư nợ các khoản vay quá hạn trên 10 ngày cho tổng dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tình trạng quá hạn	Cho vay ngắn hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Cho vay dài hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Tổng cho vay VND'000	Tổng dự phòng cụ thể VND'000
Dưới 10 ngày	8.604.562	-	36.315	-	8.640.877	-
Từ 10 đến dưới 30 ngày	5.499.533	91.287	52.657	343	5.552.190	91.630
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.141.903	300.635	15.458	2.396	1.157.361	303.031
Từ 90 đến dưới 180 ngày	1.101.889	532.804	-	-	1.101.889	532.804
Từ 180 ngày	4.648.859	4.503.090	-	-	4.648.859	4.503.090
Nợ khoanh	219.593	219.593	-	-	219.593	219.593
Tổng	21.216.339	5.647.409	104.430	2.739	21.320.769	5.650.148

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay phải thu (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tình trạng quá hạn	Cho vay ngắn hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Cho vay dài hạn VND'000	Dự phòng cụ thể VND'000	Tổng cho vay VND'000	Tổng dự phòng cụ thể VND'000
Dưới 10 ngày	6.384.163	-	4.444	-	6.388.607	-
Từ 10 đến dưới 30 ngày	7.045.154	59.399	62.000	5.465	7.107.154	64.864
Từ 30 đến dưới 90 ngày	1.099.655	247.084	-	-	1.099.655	247.084
Từ 90 đến dưới 180 ngày	741.552	341.916	-	-	741.552	341.916
Từ 180 ngày	3.287.222	3.179.076	-	-	3.287.222	3.179.076
Nợ khoanh	238.229	238.229	-	-	238.229	238.229
Tổng	18.795.975	4.065.704	66.444	5.465	18.862.419	4.071.169

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm:

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Dự phòng chung (i)	1.663.485	-
Dự phòng cụ thể (ii)	5.650.148	4.071.169
	7.313.633	4.071.169

(i) Biến động của dự phòng chung trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.663.485	-
Số dư cuối năm	1.663.485	-

(ii) Biến động của dự phòng cụ thể trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	4.071.169	3.077.278
Trích lập dự phòng trong năm	2.011.338	1.326.127
Sử dụng dự phòng trong năm	(432.359)	(332.236)
Số dư cuối năm	5.650.148	4.071.169

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND'000	VND'000
Các khoản tạm ứng	6.437.121	7.478.933
Chi phí trả trước ngắn hạn (Thuyết minh 10(ii))	1.815.910	2.169.157
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	965.906	1.682.475
Bảo hiểm xã hội phải thu	249.840	-
Các khoản cho nhân viên vay (i)	356.133	321.775
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	-	208.917
Lãi phải thu từ cho vay	5.106.958	96.343
Chương trình hỗ trợ nhà ở	85.000	-
Các khoản phải thu khác	255.712	22.423
	<hr/>	<hr/>
	15.272.580	11.980.023
	<hr/>	<hr/>

- (i) Tổ chức cấp các khoản cho vay không có lãi và không cần bảo đảm cho những nhân viên làm việc cho Tổ chức trên hai năm. Khoản cho vay cho mỗi nhân viên không được vượt quá (a) 60 triệu VND cho mục đích mua nhà hay đất ở, sửa nhà, xây nhà, và tổng dư nợ cho vay không được vượt quá 1,6 tỷ VND; (b) 100 triệu VND cho mục đích phẫu thuật hoặc điều trị bệnh nặng với chi phí lớn, và tổng dư nợ cho vay không được vượt quá 1 tỷ VND.

Quỹ Trợ Vốn cho Người Lao Động Nghèo Tự Tạo Việc Làm
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

2014	Nhà cửa VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	759.879	8.562.703	810.085	10.132.667
Tăng trong năm	-	167.999	-	167.999
Thanh lý	-	(40.560)	-	(40.560)
Phân loại lại (*)	-	(13.420)	-	(13.420)
Số dư cuối năm	759.879	8.676.722	810.085	10.246.686
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	405.269	4.172.634	533.572	5.111.475
Khấu hao trong năm	75.988	1.205.613	60.000	1.341.601
Thanh lý	-	(40.560)	-	(40.560)
Phân loại lại (*)	-	(6.680)	-	(6.680)
Số dư cuối năm	481.257	5.331.007	593.572	6.405.836
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	354.610	4.390.069	276.513	5.021.192
Số dư cuối năm	278.622	3.345.715	216.513	3.840.850

